

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 194 /2020/DS-ST

Ngày: 28/9/2020.

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.

2. Ông Phan Tấn Tài

-Thư ký phiên tòa: Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2015/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2015 về việc tranh chấp: “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị Tuyết M, sinh năm 1959. Cư trú: ấp TH, xã TTT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Dương Thị Lệ T, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp KH1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang;

Cùng ủy quyền hợp pháp cho bà Trần Thị Kim T1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp KT, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 9/11/2017. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Minh C, sinh năm 1954. Nơi cư trú: tổ 12, ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị Kim C1, sinh năm 1980. Cư trú: Ấp LĐ, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Dương Thị Thu T1, sinh năm 1964; Cư trú: số 177, ấp 3, xã MT, thành phố CL, tỉnh ĐT.

3.3. Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1968. Cư trú: Ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Dương Thị Kim P, sinh năm 1971. Cư trú: ấp LP, xã PT, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1974. Cư trú: Ấp LH, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Dương Thị T2, sinh năm 1976. Cư trú: Ấp LH2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Cùng ủy quyền hợp pháp cho bà Trần Thị Kim T1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp KT1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 9/11/2017. Có mặt.

3.7. Ông Văng Văn T3, sinh năm 1992; Cư trú: Ấp LH, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.8. Bà Lại Thị C1. Nơi cư trú: ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.9. Ông Dương Văn T4. Nơi cư trú: ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.10. Bà Dương Thị G. ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.11. Bà Dương Thị Thùy E. ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.12. Bà D Thị Thùy D. ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.12. Bà D Thị Thùy C2. ấp LH 2, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ông D Văn T5 (chết 2016) và bà Phan Thị S (chết 2012), ông bà có các con là D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Kim P, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H và D Minh C. Ông T5 và bà S chết không để lại di chúc, di sản để lại là 838m² đất thổ cư, vườn tạp do bà Phan Thị S đứng tên quyền sử dụng đất số 03191 QSDĐ/pB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 15/8/2000. Bà S chết năm 2012 không để lại di chúc, năm 2015 thì các chị em khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần là tài sản của mẹ để lại, cha là ông D Văn T5 cũng có yêu cầu chia thừa kế, năm 2016 thì ông T5 chết nên các chị em yêu cầu chia thừa kế đối với phần của ông D Văn T5. Do ông T5 và bà S chết không để

lại di chúc nên bà T1 đại diện cho nguyên đơn và các chị em yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 838m^2 qua đo đạc thực tế hiện trạng đang sử dụng thì trên đất có căn nhà của ông D Minh C diện tích $71,8\text{m}^2$, nhà vệ sinh $5,9\text{m}^2$, chuồng bò diện tích $20,1\text{m}^2$; nhà của chị D Thị G (D Thị Cẩm G) diện tích $57,1\text{m}^2$; ngoài ra trên đất còn có khu mộ của diện tích $8,1\text{m}^2$ các phần đất này thì bà T1 đại diện cho nguyên đơn và các người liên quan không yêu cầu chia mà đồng ý để cho ông C và con là bà G sử dụng. Diện tích còn lại $838\text{m}^2 - 163\text{m}^2 = 675\text{m}^2$ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Đối với phần yêu cầu của ông D Văn T5 trước đây yêu cầu thì chị đại diện cho người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T5 xin rút lại phần yêu cầu chia thừa kế của ông T5.

Bị đơn D Minh C trình bày: Ông D Văn T5 (chết 2016) và bà Phan Thị S (chết 2012), ông bà có các con là D Thị Tuyết M, D Thị Kim P, D Thị Kim L, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H, D Thị Lệ T và D Minh C. Khi cha mẹ còn sống có tạo lập được diện tích 838m^2 đất thổ cư, vườn tạp do mẹ bà Phan Thị S đứng tên quyền sử dụng đất số 03191 QSDĐ/pB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 15/8/2000. Ngoài ra còn một số diện tích khác đã chia cho anh em. Khi còn sống thì mẹ còn sống thì có cho ông toàn bộ diện tích nói trên, chỉ nói cho miệng và có làm giấy tay chứ chưa làm thủ tục sang tên. Trên đất hiện đang có căn nhà của ông đang sử dụng diện tích $71,8\text{m}^2$, nhà vệ sinh $5,9\text{m}^2$, chuồng bò diện tích $20,1\text{m}^2$; nhà của chị D Thị G (D Thị Cẩm G) diện tích $57,1\text{m}^2$; ngoài ra trên đất còn có khu mộ của diện tích $8,1\text{m}^2$. Ngoài ra vào năm 2014 ông có chuyển nhượng cho ông T3 phần đất thổ cư ngang 12m dài 20m với giá 198.000.000đ lúc thỏa thuận sang nhượng chỉ làm giấy tay với nhau chứ chưa làm giấy tờ theo quy định. Nay không đồng ý chia thừa kế của các chị em vì phần đất này cha mẹ đã cho ông. Đối với phần yêu cầu của ông D Văn T5 trước đây yêu cầu thì ông là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T5 thống nhất rút lại phần yêu cầu chia thừa kế của ông T5.

Anh D Văn T4 trình bày: anh là con của ông C hiện anh đang sống cùng với ông C trong nhà, phần đất mà nguyên đơn và các cô yêu cầu chia là của bà nội và ông nội và đã cho cha anh lúc còn sống, nên không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Văng Văn T3 trình bày: Vào năm 2014 ông có sang nhượng của ông D Minh C phần đất thổ cư ngang 12m dài 20m với giá 198.000.000đ lúc thỏa thuận sang nhượng chỉ làm giấy tay với nhau chứ chưa làm giấy tờ theo quy định, anh có nhận đất sử dụng sau đó cho chị G mượn lại sử dụng để làm sân đánh bóng chuyền nên anh đưa lại. Do đất còn tranh chấp. Nay nếu không chuyển nhượng thì yêu cầu trả lại tiền, còn không thì yêu cầu giao đất theo thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông D Văn T5 (chết năm 2016), bà Phan Thị S (chết năm 2012), có 09 người con gồm D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Minh C, D Thị Thu T1, D Thị Kim L, D Thị Kim P, D Thị Ánh H, D Thị T2, D Thị Kim C1. Ông T5, bà S chết, không để lại di chúc, có để lại diện tích đất 838m², đất thổ cư, vườn tạp. Kết quả đo đạc thực tế, không tranh chấp đối với các diện tích đất gồm căn nhà ông C 71,8m², nhà vệ sinh 5,9m², chuồng bò 20,1m², nhà của chị G 57,1m², khu mộ 8,1m², tổng cộng 163m², còn lại 675m² yêu cầu chia thừa kế theo quy định. Phía ông C thống nhất nguồn gốc đất do ông T5, bà S để lại. Lúc còn sống, bà S đã tặng cho đất cho C, không làm giấy tờ nhưng gia đình ông C đã sử dụng ổn định và đã chuyển nhượng cho ông Văng Văn T3 với giá 198.000.000 đồng nên không đồng ý chia thừa kế.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, ông T5 chết năm 2015, bà S chết năm 2012, không để lại di chúc, di sản thừa kế là diện tích đất 838m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03191/pB ngày 15/8/2000 cho bà S. Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc thực tế, không tranh chấp đối với các diện tích đất gồm căn nhà ông C 71,8m², nhà vệ sinh 5,9m², chuồng bò 20,1m², nhà của chị G 57,1m², khu mộ 8,1m², tổng cộng 163m², còn lại 675m², yêu cầu chia thừa kế theo quy định. Đây là quyền định đoạt của đương sự nên công nhận. Vì vậy, có cơ sở diện tích đất 675m² là di sản do ông T5, bà S theo Điều 612 Bộ luật dân sự. Ông T5, bà S chết, không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật và xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà gồm các ông, bà D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Minh C, D Thị Thu T1, D Thị Kim L, D Thị Kim P, D Thị Ánh H, D Thị T2, D Thị Kim C1. Xét thấy, hiện tại diện tích đất nêu trên đã được ông C và gia đình cất nhà và sử dụng ổn định nên cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng và chia giá trị di sản cho các đồng thừa kế. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định: Đất có giá 660.000 đồng/m² x 675m² = 445.500.000 đồng. Các đương sự thống nhất, di sản được chia thành 09 kỷ phần, cụ thể mỗi kỷ phần trị giá 49.500.000 đồng. Ông C đang quản lý, sử dụng đất nên có trách nhiệm hoàn giá kỷ phần được chia cho các bà D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Thu T1, D Thị Kim L, D Thị Kim P, D Thị Ánh H, D Thị T2, D Thị Kim C1, mỗi người 49.500.000 đồng.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/5/2015, giữa ông D Minh C, bà Lại Thị C1 cùng các con D Thị G, D Thị Thùy C2, D Thị Thùy E, D Thị Thùy D đồng ý chuyển nhượng cho ông Văng Văn T3 diện tích 321,6m² với giá 198.000.000 đồng, ông T3 đã giao đủ tiền nhưng chưa nhận đất, ông T3 khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại, tài sản do ông D Minh C đang quản lý sử dụng. Đây là tranh chấp về thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án ông D Văn T5 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ngày 18/4/2016 ông C chết kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 là D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Kim P, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H, D Thị Lệ T và D Minh C. Các bà D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Kim P, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H, D Thị Lệ T có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông T5 để lại. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T5.

Bị đơn ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Văn T3, bà Lại Thị C1, ông D Văn T4, bà D Thị G, bà D Thị Thùy E, bà D Thị Thùy D, bà D Thị Thùy C2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. *Về nội dung*: Ông D Văn T5 chết năm 2016, bà Phan Thị S chết năm 2012, ông bà có 09 người con: Bà D Thị Tuyết M; Bà D Thị Lệ T; Bà D Thị Thu T1; Bà D Thị Kim L; Bà D Thị Kim P; Bà D Thị Ánh H; Bà D Thị T2; Bà D Thị Kim C1; Ông D Minh C. Quá trình giải quyết các nguyên đơn trình bày ông T5, bà S chết không để lại di chúc, di sản để lại là quyền sử dụng đất do bà S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới ngày 15/8/2000 diện tích 838,0m² hiện do ông C quản lý sử dụng. Các nguyên đơn yêu cầu diện tích 838m² nhưng đồng ý để cho ông C và con là bà G sử dụng để cất nhà, làm chuồng bò. Diện tích còn lại 838m² – 163m² = 675m² yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bị đơn ông C không đồng ý vì khi còn sống thì mẹ còn sống thì có cho ông toàn bộ diện tích nói trên, chỉ nói cho miệng và có làm giấy tay chứ chưa làm thủ tục sang tên.

Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cụ thể như sau: Phần đất đo đạc thực tế diện tích 838,0m² tại các điểm 1, 2, 3, 5 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 7/9/2016 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01491QSDĐ/pB diện tích 838m² tờ bản đồ số 15; thửa số 22 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho bà Phan Thị S ngày 15/8/2000. Trên đất hiện đang có căn nhà của ông đang sử dụng diện tích 71,8m², nhà vệ sinh 5,9m², chuồng bò diện tích 20,1m²; nhà của chị D Thị G (D Thị Cẩm G)

diện tích $57,1\text{m}^2$; ngoài ra trên đất còn có khu mộ của diện tích $8,1\text{m}^2$; Qua định giá đất thổ cư có giá $600.000\text{đ}/\text{m}^2$, đất vườn có giá $70.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Do ông T5 bà S chết không để lại di chúc, di sản là diện tích 838m^2 các bà D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Kim P, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H, D Thị Lệ T đều xác định cha mẹ không định đoạt diện tích đất trên cho ai, phía ông C cho rằng còn sống thì bà S có cho ông toàn bộ diện tích nói trên, chỉ nói cho miệng và có làm giấy tay chứ chưa làm thủ tục sang tên. Chứng cứ ông C cung cấp là Tờ thuận phân (thay cho biên bản phân chia thừa kế) lập ngày 20/01/2003 bà S định đoạt diện tích 838m^2 cho ông C nhưng không có sự chứng kiến của ông T5 là cH bà S và giấy ủy quyền v/v nhượng đất lại cho con được lập ngày 20/01/2003 nội dung bà Phan Thị S ủy quyền cho ông D Minh C được thay mặt bà thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích mà bà đứng tên quyền sử dụng đất. Căn cứ hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/12/1999 thì người xin kê khai là bà Phan Thị S, cH là D Văn T5 và người ký đơn xin là ông D Văn T5 trên cơ sở đơn đăng ký quyền sử dụng đất cơ quan chuyên môn đã T1 hành thẩm định hồ sơ, T1 hành đo đạc đến ngày 15/8/2000 Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị S ngày 15/8/2000 như vậy có cơ sở xác định đây là tài sản chung của bà S và ông T5. Mặc khác theo giấy ủy quyền v/v nhượng đất lại cho con được lập ngày 20/01/2003 nội dung bà Phan Thị S ủy quyền cho ông D Minh C được thay mặt bà thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích mà bà đứng tên quyền sử dụng đất chứ không thể hiện nội dung và S cho đất ông C. Ngoài ra theo quy định tại Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc bà S ủy quyền cho ông C đã chấm dứt kể từ ngày 14/8/2012 là ngày bà S chết. Đối với Tờ thuận phân (thay cho biên bản phân chia thừa kế) lập ngày 20/01/2003 thời điểm này cả bà S và ông T5 đều còn sống nên chưa phát sinh thừa kế mặc khác ông T5 còn sống nhưng có ý kiến của ông T5 nên chứng cứ do ông C cung cấp không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên căn cứ điều 612 Bộ luật dân sự 2015 thì diện tích 838m^2 là di sản của ông T5, bà S các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hàng thừa kế thứ nhất đồng ý để ông D Minh C sử dụng diện tích $71,8\text{m}^2$ làm nhà ở, nhà vệ sinh $5,9\text{m}^2$, chuồng bò diện tích $20,1\text{m}^2$; nhà của chị D Thị G (D Thị Cẩm G) diện tích $57,1\text{m}^2$ và phần khu mộ của diện tích $8,1\text{m}^2$ không yêu cầu chia mà đồng ý để cho ông C và con là bà G sử dụng, còn lại diện tích $838\text{m}^2 - 163\text{m}^2 = 675\text{m}^2$ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy yêu cầu này là tự nguyện của các hàng thừa kế thứ nhất, không trái pháp luật nghĩ nên chấp nhận. Như vậy di sản còn lại là 675m^2 . Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông T5 bà S gồm chín người con: D Thị Tuyết M, D Thị Lệ T, D Thị Kim P, D Thị T2, D Thị Thu T1, D Thị Kim C1, D Thị Ánh H, D Thị Lệ T và D Minh C. Như vậy di sản của ông T5 bà S sẽ được chia cho các hàng thừa kế thứ nhất.

Tại phiên tòa bà T1 đại diện cho các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế diện tích 675m² yêu cầu được nhận bằng đất. Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thì diện tích tối thiểu để tách thửa đối với đất ở tại các xã là 45m² và phải có ít nhất một cạnh tiếp giáp đường giao thông hiện hữu và kích thước của cạnh tiếp giáp tối thiểu phải bằng 4m. Vì vậy việc các nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận bằng hiện thì không thể thực hiện được. Xét thấy ông C và bà C1 có quá trình sử dụng đất ổn định và cho con cất nhà ở trên đất. Căn cứ Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên giao phần đất trên cho bị đơn ông C, ông C có nghĩa vụ hoàn kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế khác.

Tài sản được chia thừa kế theo pháp luật như sau: Tổng giá trị tài sản là 675m² trong đó đất thổ cư là 637m² có giá 600.000đ = 382.200.000đ, đất lâu năm khác là 38m² x 70.000đ/m² = 2.660.000đ. Tổng cộng 384.860.000đ được chia cho 9 kỷ phần mỗi phần được hưởng là 42.762.200đ. Như vậy ông C có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác mỗi kỷ phần là 42.762.200đ.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 321,6m² giữa ông T3 và ông C được các bên xác lập vào năm 2014 với giá 198.000.000đ, ông T3 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích 321,6m². Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T3 để tham gia phiên tòa nhưng ông T3 vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T3.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định, định giá 900.000đ, đo đạc 1.196.800đ tổng cộng 2.096.800đ (do nguyên đơn tạm nộp) mỗi người được hưởng một suất thừa kế phải chịu 232.900đ

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự phải chịu án phí theo kỷ phần được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ các Điều 612, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn bà D Thị Tuyết M, bà D Thị Lệ T.

Ông D Minh C được quyền sử dụng phần đất diện tích đất diện tích 838,0m² tại các điểm 1, 2, 3, 5 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 7/9/2016 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 01491QSDĐ/pB diện tích 838m² tờ bản đồ số 15; thửa số 22 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho bà Phan Thị S ngày 15/8/2000 hiện do ông C bà C1 đang quản lý. Đất tọa lạc xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An G.

Ông D Minh C có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền T1 hành các thủ tục hành chính về đất đai theo qui định của pháp luật về đất đai.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Tuyết M số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Lệ T số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Thu T1 số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Kim L số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Kim P số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Ánh H số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị T2 số tiền 42.762.200đ.

Ông D Minh C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D Thị Kim C1 số tiền 42.762.200đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông D Văn T5 (chết) yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà Phan Thị S.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Văng Văn T3 yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà Phan Thị S.

Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá 900.000đ, đo đạc 1.196.800đ tổng cộng 2.096.800đ (do nguyên đơn tạm nộp) bà M, bà T, bà T1, bà L, bà P, bà H, bà T2, ông C phải chịu 232.900đ.

bà T, bà T1, bà L, bà P, bà H, bà T2, ông C mỗi người phải hoàn lại cho bà M số tiền chịu 232.900đ

Án phí DSST:

Bà D Thị Tuyết M được miễn án phí theo quy định pháp luật. Bà D Thị Tuyết M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai số 0003509 ngày 02/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà D Thị Lệ T phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003508 ngày 02/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; 300.000 đồng theo biên lai thu

số 0013398 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T phải nộp thêm 1.638.000 đồng

Bà D Thị Thu T1 phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003697 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T1 phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Bà D Thị Kim L phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003698 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà L phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Bà D Thị Kim P phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003699 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà P phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Bà D Thị Ánh H phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003700 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà H phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Bà D Thị Kim C1 phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003701 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà C1 phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Bà D Thị T2 phải chịu 2.138.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003701 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An G. Bà T2 phải nộp thêm 1.938.000 đồng.

Ông D Minh C phải chịu 2.138.000 đồng.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Văng Văn T3 đã nộp theo biên lai thu số 0013817 ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An G được sung vào công quỹ nhà nước

Bà D Thị Tuyết M; Bà D Thị Lệ T; Bà D Thị Thu T1; Bà D Thị Kim L; Bà D Thị Kim P; Bà D Thị Ánh H; Bà D Thị T2; Bà D Thị Kim C1; Ông D Minh C được nhận lại số tiền tạm ứng 200.000 đồng của ông D Văn T5 theo biên lai thu số 0003696 ngày 18/12/2015 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

T4 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình